

ให้นักเรียนโยงเส้นจับคู่คำศัพท์ภาษาจีนให้ถูกต้อง

tuǐ
腿

zuǐ
嘴

gè zi
个子

tóu fà
头发

liǎn
脸

shǒu
手

hěn
很

xiǎo
小

cháng
长

duǎn
短

dà
大

hair

Body

Lag

Mouth

Hand

Very

Face

long

short

big

small